

Số: 54 /2004/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 6 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**Về việc phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ công cộng của**  
**Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số: 17/2001/QĐ-BXD ngày 07/8/2001 của Bộ Xây dựng về việc ban hành hệ thống định mức dự toán chuyên ngành vệ sinh môi trường;

Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 504/QĐ-UB ngày 06/4/2001, Quyết định số 481/2002/QĐ-UB ngày 10/10/2002, Quyết định số 53/2004/QĐ-UB ngày 05/6/2004;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại tờ trình số 12/TT-KH ngày 28/01/2004 về việc xin phê duyệt đơn giá các sản phẩm dịch vụ công cộng của Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá sản phẩm dịch vụ công cộng của Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị Tuyên Quang theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị:

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ công ích theo đúng quy trình, đảm bảo chất lượng, chặt chẽ và đạt hiệu quả cao;

- Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các dịch vụ công cộng theo đơn giá được duyệt tại Điều 1 đúng nguyên tắc, chế độ tài chính hiện hành của nhà nước.

2. Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và xã hội và các cơ quan có liên quan thường xuyên kiểm tra Công ty trong việc thực hiện các nhiệm vụ công ích; trường hợp các

đơn giá không phù hợp với điều kiện thực tế thì xem xét, thẩm định để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị trong việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho các dịch vụ công cộng theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

4. Sở Lao động thương binh và xã hội kiểm tra, hướng dẫn Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị trong việc quản lý, sử dụng lao động.

5. Chủ tịch UBND Thị xã Tuyên Quang thường xuyên đôn đốc, kiểm tra Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị trong việc thực hiện nhiệm vụ công cộng trên địa bàn; có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu sản phẩm các dịch vụ công cộng làm cơ sở cho việc thanh quyết toán kinh phí.

Chủ tịch UBND Thị xã Tuyên Quang và Giám đốc Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 482/2002/QĐ-UB ngày 11/10/2002 của UBND tỉnh.

Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Khoa học công nghệ và môi trường, Lao động Thương binh và xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, Thị xã, Giám đốc Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: *th.*

- Thường trực Tỉnh uỷ
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh
- Như Điều 3,
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh,
- CV: TH, DN, TC, XD, GT.
- Lưu VT.



*Chau Lam*  
Châu Văn Lâm


  
**Đơn giá sản phẩm dịch vụ công cộng của**  
**Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị Tuyên Quang**  
*(Kèm theo Quyết định số: 34/2004/QĐ-UB ngày 05/6/2004 của UBND tỉnh)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (Đồng)
1	Quét, thu gom rác nhà dân + hè + đường phố bằng thủ công (từ 18h đến 6h hôm sau).		
	- Cấp mặt đường loại I	ha	58.258
	- Cấp mặt đường loại III	ha	105.078
	- Hè phố	ha	67.623
2	Quét, thu gom rác các Chợ	ha	385.998
3	Duy trì vệ sinh xóm ngõ	ha	72.684
4	Xúc rác lên ô tô và vận chuyển đến bãi rác	m <sup>3</sup>	24.844
5	San, ủi xử lý rác	m <sup>3</sup>	3.842
6	Nạo vét bùn mương xây, mương đất bằng thủ công và vận chuyển sang bãi rác bằng ô tô	m <sup>3</sup>	60.022
7	Nạo vét bùn cống ngầm, hố ga bằng thủ công và vận chuyển sang bãi rác bằng xe ô tô	m <sup>3</sup>	135.906
8	Phun nước tưới đường 1 lượt	Km	27.823
9	Phun nước tưới đường 2 lượt	Km	44.206